

Bản án số: **55/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 17/12/2020

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Khỏe và bà Nguyễn Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên  
tòa:** Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 483/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2020 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Đặng Thị Th**, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: Số 1/30 Chi H, P. Việt H, TP. Hải Dương, Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Địch Tr, Đức Ch, Cẩm G, Hải Dương (có mặt).

**- Bị đơn:** Anh **Phạm Văn Qu**, sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số 1/30 Chi H, P. Việt H, TP. Hải Dương, Hải Dương (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Văn Qu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Việt H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình nhà anh Qu. Quá trình chung sống, đến năm 2017, gia đình bàn bạc thống nhất để chị đi lao động ở Nhật Bản. Khi lao động ở Nhật Bản được 1 năm, mẹ đẻ anh Qu bị ốm, anh Qu yêu cầu chị về Việt Nam chăm sóc gia đình, nhưng vì chưa trả được hết nợ nên chị không về. Vì vậy, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Khi ở Nhật, chị có gửi tiền cho anh Qu để chi phí sinh hoạt gia đình và nuôi dưỡng các con. Đến đầu năm 2020, do hết hạn hợp đồng nên chị về Việt Nam ở hẳn. Khi về nước, chị có về chung sống cùng anh Qu. Nhưng do anh Qu và gia đình anh Qu đối xử lạnh nhạt, không quan tâm chị. Khi chị vắng nhà, anh Qu không đi

lại, thăm hỏi bố mẹ đẻ chị. Nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh Qu đuổi chị đi. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ 29 tháng 12 âm lịch năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian này, chị có liên lạc qua điện thoại với anh Qu nhưng không liên lạc được. Anh Qu không quan tâm gì chị. Nay chị không còn tình cảm với anh Qu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Qu.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 14/6/2011 và cháu Phạm Văn Đ, sinh ngày 29/11/2012. Hiện cả hai con đang do anh Qu chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Đ, còn để anh Qu nuôi cháu T và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Trong thời gian ở nước ngoài và về nước, chị vẫn luôn quan tâm đến các con và muốn đón con về chung sống cùng nhưng anh Qu không đồng ý, thậm chí còn ngăn cấm chị thăm gặp các con ở trường, gây áp lực làm các con sợ sệt khi gặp gỡ chị. Một mình anh Qu nuôi cả 2 con thì không đảm bảo việc chăm sóc tốt. Hiện nay, chị làm công nhân may ở Đức Ch, Cẩm G, thu nhập bình quân hàng tháng là 6.000.000đ đến 6.500.000đ và ở chung nhà với bố đẻ, gia đình anh trai, trên thửa đất mang tên bố đẻ, ở thôn Dịch Tr, xã Đức Ch, Cẩm G, Hải Dương. Nhà, đất rộng rãi đảm bảo về chỗ ở cho mẹ con chị. Vì đi làm gần nhà, có thu nhập và có chỗ ở nên chị đề nghị cho chị nuôi cháu Đ.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Vợ chồng không có nên chị không yêu cầu.

*Về nợ chung, công sức đóng góp chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn anh Qu trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2017, được sự đồng ý của gia đình, chị Th đi lao động ở Nhật Bản. Khi ở Nhật Bản được khoảng 1 năm, do chị Th làm kinh tế kém mà mẹ đẻ anh bị ốm. Nên anh bảo chị Th về Việt Nam ở hẳn, nhưng chị Th không về. Lý do chưa trả hết nợ nên chị Th không về là không đúng. Sau đó, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Chị Th có gửi tiền về cho anh nhưng không đủ để chi phí sinh hoạt gia đình. Đến đầu năm 2020, chị Th về nước và có về chung sống cùng anh. Do công việc của anh bận rộn nên không có thời gian nói chuyện, tâm sự nhiều với chị Th. Chị Th có thái độ khó chịu và bực tức với anh. Chỉ vì mâu thuẫn về việc đi tết bố mẹ đẻ chị Th mà chị Th giận dữ, cãi nhau với anh. Gia đình anh họp bàn, khuyên giải chị Th ở lại nhưng chị Th không đồng ý và bỏ nhà đi từ 29 tết năm 2020. Do chị Th tự bỏ nhà đi nên anh không tìm gặp để đoàn tụ. Khi giải quyết vụ án tại Tòa án, anh đã động viên, khuyên chị Th rút đơn, vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th không đồng ý. Nay, chị Th cương quyết xin ly hôn với anh, anh đồng ý.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung như chị Th trình bày là đúng. Quan điểm là anh xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Với lý do: Hai con ở với anh từ bé cho đến nay. Chị Th bỏ nhà đi

không chăm sóc, nuôi dưỡng, chu cấp kinh tế cho các con. Các cháu đang ăn, ở, học cùng với nhau, có tinh thần, sức khỏe và kết quả học tập tốt. Nguyên vọng của các con đều muốn ở với anh. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con hàng ngày do anh trực tiếp thực hiện, có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ và anh trai ở gần. Anh và các con ở nhà riêng trên thửa đất của bố mẹ anh ở Chi H, Việt H, TP. Hải Dương. Công việc và thu nhập của anh ổn định. Anh đang làm thuê cho Công ty TNHH Mirae- Bắc, ở khu công nghiệp Lai Cách, Cẩm G, Hải Dương, thu nhập bình quân hàng tháng từ 14 triệu đến 15 triệu đồng. Vì vậy, anh có đủ điều kiện để nuôi cả 2 con, mà không cần sự cấp dưỡng của chị Th.

- Về quan hệ tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp chung: Vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm trình bày. Chị đề nghị HĐXX cho chị được ly hôn với anh Qu. Về con chung, nếu cả hai con tự nguyện xin được ở với anh Qu thì chị đồng ý, tôn trọng quyết định của các con, còn nếu các con không tự nguyện thì chị xin được nuôi cháu Đ.

- Bị đơn anh Qu trình bày: Anh nhất trí ly hôn với chị Th. Về con chung, anh đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng. Việc các con có ý kiến xin được ở với anh là hoàn toàn tự nguyện, đúng với nguyện vọng của các con. Nếu anh được nuôi cả 02 con, anh sẽ tạo điều kiện tốt nhất để chị Th thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Th và anh Phạm Văn Qu. Về con chung, giao cho anh Qu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Qu. Về tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về án phí, chị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Hiện bị đơn đang cư trú tại số 1/30 Chi H, P. Việt H, TP. Hải Dương, Hải Dương. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th và anh Phạm Văn Qu kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Việt H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/9/2010, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi chị Th đi Nhật Bản được khoảng một năm, anh chị bất đồng quan điểm về việc chị Th ở Nhật Bản, không về Việt Nam ở theo yêu cầu của anh Qu. Đến đầu năm 2020, chị Th về Việt Nam ở hẳn và ngay sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Xét, mâu thuẫn của anh chị kéo dài nhiều năm, không có sự quan tâm và chia sẻ. Cả hai đều không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc. Nay, chị Th xin ly hôn với anh Qu, anh Qu đồng ý. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của các đương sự.

- Về con chung: Chị Th và anh Qu có 02 con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 14/6/2011 và cháu Phạm Văn Đ, sinh ngày 29/11/2012. Xét chị Th và anh Qu đều có công việc, thu nhập và có điều kiện về chỗ ở để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện nay cả 02 con đều đang ở với anh Qu, do anh Qu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con có chỗ ở ổn định, tâm sinh lý phát triển bình thường, kết quả học tập tốt. Nguyên vọng của các con chung đều muốn ở với anh Qu là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, cần giao cho anh Qu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Phạm Đức T và Phạm Văn Đ.

Khi được nuôi cả 02 con, anh Qu không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của anh Qu là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Th và anh Phạm Văn Qu.

3. Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị Th và anh Phạm Văn Qu có 02 con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 14/6/2011 và cháu Phạm Văn Đ, sinh ngày 29/11/2012.

Giao cho anh Phạm Văn Qu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Phạm Đức T và Phạm Văn Đ, cho đến khi các con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Qu về việc không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002528, ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị Th đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND P. Việt H, TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Hà**